TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ LỘC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-11-2018
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Xuân Lâm;

Bà Trần Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Thương, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang, là Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1991;

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm 1995;

Cùng nơi cư trú: Thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh T và chị Bùi Thị H kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 02 năm 2016 tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không có

tiếng nói chung. Xét thấy, vợ chồng không thể chung sống cùng nhau, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Tại bản tự khai bị đơn chị Bùi Thị H trình bày: Cuộc sống vợ chồng do cách nghĩ khác nhau nên có xảy ra cãi nhau, nhưng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Trần Văn D, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2017. Khi ly hôn, anh T nhường quyền nuôi con cho chị H và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000 đồng. Vì không đồng ý ly hôn nên chị H không có ý kiến giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng thống nhất là không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T. Về nuôi con chung, xem xét quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của con chung, căn cứ vào Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao con chung tên là D cho chị H nuôi dưỡng, anh T phải đóng góp nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trên cơ sở xem xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là chị H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về hôn nhân: Anh T và chị H kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện L, đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống vợ chồng giữa anh T và chị H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đến nay vợ chồng đã không còn chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc giải

quyết cho anh T ly hôn chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Giữa hai người có một con chung tên là Trần Văn D, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2017, anh T nhường quyền nuôi con cho mẹ, con chung dưới 36 tháng tuổi, hiện tại đang sống với chị H. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, con chung sẽ được giao cho chị H nuôi dưỡng. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T tự nguyện đóng góp nuôi con hàng tháng số tiền là 1.500.000 đồng, mức cấp dưỡng này là phù hợp với thu nhập của anh T và nhu cầu thiết yếu của việc nuôi dưỡng con chung, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T có nghĩa vụ nộp án phí ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh T và chị H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về hôn nhân: Cho anh Trần Văn T ly hôn chị Bùi Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Văn D, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2017 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn T đóng góp nuôi con với chị Bùi Thị H số tiền là 1.500.000 đồng/tháng, cho đến khi con chung Trần Văn D thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Trần Văn T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Văn T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0000922 ngày 19 tháng 9 năm

2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; chị H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Mỹ Lộc;
- Ủy ban ND xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường